TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 115/2025/QĐST-HNGĐ	*Đồng Nai, ngày 18 tháng 8 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - Đ

Căn cứ các Điều 212, 213, 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 96/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 về việc "Thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Trần Thị Thanh Th, sinh năm 1983

Anh Trần Anh S, sinh năm 1980

Địa chỉ thường trú: thôn N, xã P, thành phố H.

Cùng tạm trú: Tổ 15, ấp Đ, xã N, tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Anh Trần Anh S và chị Trần Thị Thanh Th chung sống trên cơ sở tự nguyện vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện T, tỉnh H và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 01 ngày 27/10/2003 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, anh S và chị Th thống nhất làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận cho anh chị thuận tình ly hôn. Ngày 08 tháng 8 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đ đã tiến hành hòa giải đoàn tụ đối với anh S và chị Th nhưng không thành; các đương sự thống nhất thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề liên quan. Thỏa thuận của các đương sự ghi nhận tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Cụ thể như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Anh S và chị Trần Thị Thanh Th thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Có 02 con chung là Trần Thị Phương A, sinh ngày 02/9/2004 và Trần Lâm A, sinh ngày 16/9/2009. Chị Th và anh S thỏa thuận giao cháu Trần Lâm A, sinh ngày 16/9/2009 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Trần Thị Phương A, sinh ngày 02/9/2004 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không xét.

[3]. Về tài sản chung: Anh S, chị Th Tự thỏa thuận nên không xét.

[4]. Về nợ chung: Anh S, chị Th khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh S và chị Th mỗi người chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về hôn nhân và gia đình là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Anh S và chị Trần Thị Thanh Th thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh S, chị Th về việc giao cháu Trần Lâm A, sinh ngày 16/9/2009 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về lệ phí: Anh Trần Anh S, chị Trần Thị Thanh Th mỗi người phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 150.000 (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023546 ngày 21/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ. Anh S và chị Th đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Phòng thi hành án dân khu vực 2 – Đ ;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Mai